

Bản án số: 190/2017/DS-PT  
Ngày 18 tháng 8 năm 2017  
V/v: “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Văn Yên;

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Thành Văn;

Ông Phạm Công Mười.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Kim Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 134/2016/TLPT-DS ngày 9 tháng 6 năm 2016 về việc “*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2016/DS-ST ngày 09/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 468/QĐXX-PT ngày 5 tháng 9 năm 2016 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Bà Sơn Thị Si N

Địa chỉ: số 171/3E đường SV, khóm 3, phường 7, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

**\* Bị đơn:** Bà Sơn Thị My N1

Địa chỉ: Số 171/3A đường SV, khóm 3, phường 7, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông NLQ1 (có mặt);

2/ Bà NLQ2 (vắng mặt);

3/ Bà NLQ3 (có mặt);

4/ Bà NLQ4 (có mặt);

5/ Bà NLQ5 (có mặt);

Cùng địa chỉ: số 171/3 đường SV, khóm 3, phường 7, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

6/ Bà NLQ6 (Si L) (có mặt);

7/ Ông NLQ7 (vắng mặt);

8/ Bà NLQ8 (Triệu Thị Sà P) (vắng mặt).

9/ Bà NLQ9 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp Phụng Hiệp, xã An Hiệp, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng.

10/ Bà NLQ10 (Phol Ly) (có mặt);

Địa chỉ: số 157/2 đường SV, khóm 3, phường 7, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

11/ Bà NLQ11(vắng mặt);

12/ Ông NLQ12(vắng mặt);

Cùng có nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam: số 157/2 đường SV, khóm 3, phường 7, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

(Nơi ở hiện nay của ông NLQ12, bà NLQ11: khóm 1, Comsayaluc, tỉnh Compomsom, Campuchia).

13/ Bà NLQ13(vắng mặt);

Địa chỉ: số 142 ấp PN, xã AN, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng.

14/ Ông NLQ14(vắng mặt);

Địa chỉ: số 71 ấp PH, xã AH, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng.

15/Bà NLQ15(có mặt);

Địa chỉ: số 01 ấp PNA, xã AN, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng.

16/ Bà NLQ16(vắng mặt);

Địa chỉ: số 04 ấp PNA, xã AN, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng.

**\* Người kháng cáo:**

1/ Nguyên đơn: Bà Sơn Thị Si N.

2/ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Sơn Thị Út, Sơn Thị Si Loan, Sơn Thị Pho La

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2012 và các tài liệu, chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Sơn Thị Si N trình bày:*

Cha ruột của bà Sơn Thị Si N là ông Sơn T (chết ngày 27/10/2011), khi còn sống có một số ruộng đất do ông nội của bà để lại, bao gồm các thửa đất số 172, 173, 174 và thửa số 19, cùng tờ bản đồ số 09, tổng diện tích 26.591m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp PNA, xã AN, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng. Diện tích thực tế khi Tòa án tiến hành đo đạc là 30.370m<sup>2</sup>. Ông Sơn T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các phần đất nêu trên vào ngày 22/10/1991.

Khi còn sống, ông Sơn T có 04 người vợ, bao gồm:

1/ Bà Lâm Thị S (chết ngày 21/6/1996) có tất cả 09 người con chung với ông Sơn T, bao gồm: Bà NLQ6, ông NLQ1, bà Sơn Thị My N1, bà NLQ2, bà Sơn Thị Si N, ông NLQ7, bà NLQ5, bà NLQ3, bà NLQ4.

2/ Bà Triệu Thị P có 01 người con chung với ông Sơn T là bà Sơn Thị Si Phal.

3/ Bà Thạch Thị K (chết năm 1995), có 03 người con chung với ông Sơn T, là NLQ10, NLQ11 và NLQ12.

4/ Bà NLQ13 chung sống như vợ chồng với ông Sơn T, nhưng không có con chung.

Năm 2011, ông Sơn T chết không để lại di chúc, và trước khi chết cũng không làm giấy tờ tặng cho hay chuyển nhượng các phần đất trên cho bất kỳ ai. Nhưng không hiểu vì lý do gì bà Sơn Thị My N1 lại được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất nêu trên. Hiện nay, phần đất tại các thửa 172, 173, 174 bà My N1 đã cho ông NLQ14 thuê; phần đất tại thửa 19 chia làm hai phần, một phần bà My N1 chuyển nhượng cho bà NLQ16 diện tích 02 công tầm lớn, và một phần ông NLQ7 đứng tên chuyển nhượng cho bà NLQ15 có diện tích 02 công tầm lớn.

Vì khi ông T còn sống thì một số anh chị em trong gia đình đã được ông T chia đất rồi nên họ không có yêu cầu chia thừa kế sau khi ông T chết. Nay bà Sơn Thị Si N chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết, chia di sản của ông Th là các thửa 172, 173, 174, và thửa 19 nêu trên cho 06 người con chưa được ông Th chia đất là: Ông NLQ1, bà Sơn Thị Si N, bà NLQ2, bà NLQ5, bà NLQ4 và bà NLQ3.

*Bị đơn bà Sơn Thị My N1 trình bày:* Bà đồng ý với lời trình bày của bà Sơn Thị Si N về những người thừa kế của ông Sơn T. Khi còn sống ông Sơn T có được cấp quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 172, 173, 174 và thửa 19 như bà N trình bày là đúng. Tuy nhiên, vào năm 2009 thì ông Sơn T đã lập di chúc, để lại cho bà toàn bộ các thửa đất nêu trên và việc lập di chúc này tất cả các anh chị em trong gia đình đều biết.

Nguyên nhân ông T cho bà các phần đất này là do trước đây khi ông T gặp khó khăn đã cố đất cho ông Sơn C, diện tích 17 công tầm cây. Vào năm 2000, cha

của bà kêu gọi các con trong gia đình, ai có tiền thì đi chuộc lại đất ruộng, người nào chuộc lại bao nhiêu thì ông sẽ cho bấy nhiêu công đó. Từ đó, bà đã đứng ra chuộc lại toàn bộ đất ruộng mà ông T đã cố, lúc đó ông Sơn C báo giá chuộc là 30 triệu đồng, tương đương 06 cây vàng.

Sau khi được ông T tặng cho số đất này, bà Sơn Thị My N1 đã đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (2/2010). Vì vậy, đối với yêu cầu chia thừa kế của bà Sơn Thị Si N, bà My N1 không đồng ý.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ2, bà NLQ3, bà NLQ5, bà NLQ4 đều trình bày:* Các bà có ý kiến thống nhất với nguyên đơn bà Sơn Thị Si N. Việc bà Sơn Thị My N1 cho rằng khi còn sống ông T đã tặng cho bà N1 tất cả phần đất tranh chấp là không đúng. Những người này yêu cầu chia thừa kế theo đơn khởi kiện của bà Sơn Thị Si N.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ1, bà NLQ6 trình bày:* Vào ngày 01/7/2009, ông Sơn T viết tờ di chúc với nội dung “ủy quyền sử dụng” cho bà Sơn Thị My N1 được quyền sử dụng đất 17 công đất ruộng. Bà Sơn Thị My N1 được sử dụng vĩnh viễn với lý do là trước đây ông Sơn T cầm cố 17 công đất ruộng nói trên nhưng không có tiền chuộc và bà My N1 đã đứng ra chuộc lại toàn bộ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ13 trình bày:* Bà là vợ thứ tư của ông Sơn T, trước đây ông Sơn T chung sống với 04 người vợ cùng một lúc nhưng không có đăng ký kết hôn. Bà chỉ biết về những người thừa kế và tài sản của ông Sơn T theo lời trình bày của bà N và bà N1 là đúng, còn việc có tặng cho, di chúc hay không thì bà không biết. Đối với yêu cầu chia thừa kế của bà N, bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ7 trình bày:* Ông là con ruột của ông Sơn T và bà Lâm Thị S. Trong số các phần đất mà ông Th để lại, ông có được tặng cho và canh tác phần đất diện tích 04 công tâm lớn tại thửa số 19 từ khi ông T còn sống. Trên phần đất này, trước đây tôi có cố cho bà NLQ1 502 công, đến năm 2011 thì bán đứt với giá 02 cây vàng; 02 công còn lại thì bà My N1 đứng tên bán cho bà NLQ16 với giá 50 triệu đồng. Phần đất này do bà Sơn Thị My N1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa làm thủ tục sang tên cho bà NLQ16 và bà NLQ15.

Đối với yêu cầu chia thừa kế của bà Sơn Thị Si N, ông không đồng ý vì trước đây khi cha ông còn sống thì đã chia đất rồi. Riêng 02 công đất ở chỗ có cây thốt nốt (tức thửa 19) đã chuyển nhượng cho bà NLQ15, nếu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định thì ông thống nhất nhận phần đất này để tiếp tục hợp đồng chuyển nhượng với bà NLQ15, vì ông đã nhận vàng của bà NLQ15 đầy đủ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ14 trình bày:* Ông có thuê 20 công đất của bà Sơn Thị My N1, tọa lạc tại ấp PNA, xã AN, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng. Ông đã trả đủ tiền thuê 120 triệu đồng cho thời hạn thuê là 06 năm (2012-2018). Đối với yêu cầu chia thừa kế của bà Sơn Thị Si N, ông không có ý kiến; ông

chỉ yêu cầu được sử dụng phần đất này cho đến hết thời hạn thuê. Nếu buộc phải chia thừa kế thì bà My N1 phải bồi thường cho ông phần đất khác để ông thuê đến năm 2018. Trường hợp bà N1 không tìm được phần đất khác thì ông sẽ tự tìm, nhưng bà Na phải trả tiền thuê theo giá thực tế.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ16 trình bày:* Bà Sơn Thị My N1 có đứng tên chuyển nhượng cho bà một phần đất 02 công tằm lớn thuộc thửa đất số 19, tọa lạc tại ấp PNA, xã AN, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng với giá chuyển nhượng là 50 triệu đồng, bà đã giao đủ số tiền cho bà My N1 vào ngày 23/01/2010. Khi bà nhận chuyển nhượng đất từ bà My Na thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Sơn T. Bà đã hỏi ý kiến của ông T, ông T đã đồng ý nên bà mới nhận chuyển nhượng.

Đối với yêu cầu chia thừa kế của bà Sơn Thị Si N, bà không có ý kiến gì. Nếu buộc phải lấy đất lại chia thừa kế, thì bà đề nghị chia cho bà My N1 phần đất này để bà My N1 tiếp tục hợp đồng chuyển nhượng với bà.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ15 trình bày:* Trước đây, khi ông Sơn T còn sống, bà có nhận có phần đất diện tích 02 công tằm lớn thuộc thửa đất số 19, tọa lạc tại ấp PNA, xã AN, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất này ông Sơn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông NLQ7 đứng tên có cho bà. Đến năm 2011 bán đứt luôn cho bà phần đất này với giá 02 cây vàng, có làm giấy tay nhưng chưa làm thủ tục sang tên.

Đối với yêu cầu chia thừa kế của bà Sơn Thị Si N, bà không có ý kiến gì. Nếu buộc phải lấy đất lại chia thừa kế, thì bà đề nghị chia cho ông NLQ7 phần đất này để ông NLQ7 tiếp tục hợp đồng chuyển nhượng với bà.

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà NLQ8, bà NLQ9, bà NLQ10 đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo cho họ biết nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng họ không có ý kiến trả lời cho Tòa án. Bà NLQ9 không có ý kiến, không có yêu cầu xin chia thừa kế của ông Sơn T.

***Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2016/DSST ngày 9 tháng 3 năm 2016, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:***

Áp dụng khoản 5 Điều 25, khoản 1 Điều 34, Điều 42, khoản 1 Điều 131, khoản 2 Điều 199, khoản 3 Điều 202 và Điều 245 BLTTDS; Điều 631, 674, điểm a khoản 1 Điều 675, Điều 733, Điều 734 Bộ luật dân sự; khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sơn Thị Si N, về việc yêu cầu phân chia di sản thừa kế đối với các thửa đất số 172, 173, 174, cùng tờ bản đồ số 09, có tổng diện tích 21.241m<sup>2</sup> (thực tế 24.215m<sup>2</sup>) tọa lạc tại ấp PNA, xã AN, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quy định về thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 21/3/2016, nguyên đơn Sơn Thị Si N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ4, NLQ3, NLQ5 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2016/DS-ST ngày 09/03/2016 về việc “Tranh chấp chia tài sản thừa kế quyền sử dụng đất” của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

*Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Về hình thức đơn kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Xét nội dung đơn kháng cáo và đối chiếu với bản án sơ thẩm đã xét xử thì thấy:

Về thủ tục tố tụng: Căn cứ Điều 37, Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Về nội dung: Cụ Sơn T (chết ngày 27/10/2011) có 04 người vợ là cụ Lâm Thị S (chết ngày 21/6/1996), cụ Triệu Thị P, cụ Thạch Thị K (đã chết) và cụ NLQ13, có tất cả 13 người con là: NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, Sơn Thị My N1 (bị đơn), Sơn Thị Si N (nguyên đơn), NLQ5, NLQ6 (Si Lài), NLQ7, NLQ10, NLQ11, NLQ12, NLQ9.

Theo lời trình bày của cụ NLQ13, cụ là vợ thứ tư còn bà P là vợ thứ hai của cụ T, các cụ đều cùng một lúc chung sống như vợ chồng với cụ T. Sau khi cụ Lâm Thị S chết thì các cụ không có đăng ký kết hôn với cụ T. Từ đó, cấp sơ thẩm xác định 13 người con của cụ T như đã nêu trên là hàng thừa kế thứ nhất của cụ T là phù hợp.

Về di sản thừa kế: Xác định di sản thừa kế quyền sử dụng đất gồm các thửa 172, 173, 174 do cụ T để lại, diện tích 26.561m<sup>2</sup>, theo đo đạc thực tế 30.370m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp PNA, xã AN, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế các thửa đất số 172, 173 và 174 với lý do: nguồn gốc các thửa đất 172, 173 và 174 vợ chồng cụ T được cha mẹ tặng cho, hai cụ chết không để lại di chúc và cũng không tặng cho quyền sử dụng đất cho bất cứ ai, nên các thửa đất trên là tài sản chung của vợ chồng cụ T và yêu cầu chia thừa kế. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn với lý do sau:

Cụ Sơn T (Sơn Thôn) được UBND huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1991. Trước đây khi còn sống cụ T gặp khó khăn nên cầm cố toàn bộ các thửa đất ruộng cho ông Sơn C nên vào năm 2000, cụ T

kêu gọi các con, ai có tiền chuộc lại thì cụ sẽ cho người đó phần đất đã chuộc. Từ đó, bà My N1 đã bỏ tiền ra chuộc lại 17 công đất và sau đó được cụ T làm thủ tục tặng cho phần đất này. Có các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ trích lục của Văn phòng đăng ký đất thể hiện: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 08/12/2009 của cụ Sơn T tặng cho bà Sơn Thị My N1 toàn bộ các thửa đất số 19,172,173 và 174 với tổng diện tích 26.591m<sup>2</sup> đất trồng lúa. Hợp đồng được xác lập và được công chứng, chứng thực hợp pháp. Sau đó bà My N1 đã được UBND huyện CT, tỉnh Sóc Trăng cấp đổi sang tên quyền sử dụng đất vào ngày 11/02/2010. Ngoài chứng cứ này còn có các lời khai của ông Sơn C (người có đất) ông NLQ14, bà NLQ16, bà NLQ15 và một số đồng thừa kế xác nhận là sự thật. Bà Sơn Thị Si N cho rằng năm 2009, cụ T bị bệnh tai biến nên bà Sơn Thị My N1 đã tự ý đi đăng ký quyền sử dụng đất với tất cả các thửa đất nêu trên nhưng không có chứng cứ nên không được chấp nhận. Ngoài ra bà Si N còn khai vào năm 2000 bà My N1 đã bỏ ra 24.000.000 đồng để chuộc các thửa 172, 173 và 174 mà cụ T đã cầm cố cho ông Sơn C sau đó vợ chồng nguyên đơn canh tác dùm cho vợ chồng bị đơn 03 năm và từ năm 2003 bà My N1 cho bà N (nguyên đơn) và chồng là Quách Tấn Đ thuê đất canh tác đến năm 2009. Hiện tại bà My N1 cho ông NLQ14 thuê với thời hạn là 06 năm (2012 – 2018); thửa đất số 19 được chia làm hai phần, một phần ông NLQ7 chuyển nhượng cho bà NLQ15 diện tích thực tế là 3.230m<sup>2</sup> và một phần bà My N1 chuyển nhượng cho bà NLQ16 diện tích thực tế là 2.925m<sup>2</sup> và bà NLQ16 và bà NLQ15 đều nhận chuyển nhượng lúc ông Sơn T còn sống và được sự đồng ý của cụ Sơn T. Do đó, có đủ căn cứ khẳng định các thửa đất số 172, 173, 174 khi còn sống cụ T đã tặng cho bà My N1 và bà My N1 đã làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất từ cụ T sang bà My N1 vào ngày 11/02/2010. Đồng thời Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh Sóc Trăng có văn bản trả lời việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà My N1 là đúng quy định của pháp luật. Cho nên khi cụ T chết thì các thửa 172, 173, 174 không phải là di sản thừa kế và cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn bà N và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà NLQ4, NLQ3, NLQ5 kháng cáo cho rằng: Vào năm 2009, cha của bà bị tai biến nên không thể thực hiện bất cứ giao dịch nào cho nên toàn bộ thủ tục tặng cho là giả mạo nhưng các bà không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ nên không được cấp phúc thẩm xem xét, chấp nhận.

Xét thấy cấp sơ thẩm đã xét xử phù hợp theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, người liên quan kháng cáo toàn bộ nội dung bản án mà cấp sơ thẩm đã tuyên nhưng không đưa ra được những chứng cứ khác ngoài những chứng cứ đã được thu thập, kiểm tra, đánh giá ở cấp sơ thẩm. Do đó, cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát cấp cao đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, giữ y bản án sơ thẩm phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Do kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bà Sơn Thị Si, bà bà NLQ4, NLQ3, NLQ5.

2/ Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2016/DS-ST ngày 09/03/2016 về việc “Tranh chấp chia tài sản thừa kế quyền sử dụng đất” của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Áp dụng Điều khoản 5 Điều 25, khoản 1 Điều 34, Điều 42, khoản 1 Điều 131, khoản 2 Điều 199, khoản 3 Điều 202 và Điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 631, 674, điểm a khoản 1 Điều 675, Điều 733, Điều 734 Bộ luật dân sự; khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sơn Thị Si N về việc yêu cầu phân chia di sản thừa kế đối với các thửa đất 172, 173 và 174 cùng tờ bản đồ số 09, có tổng diện tích 21.241m<sup>2</sup> (thực tế 24.215m<sup>2</sup>) tọa lạc tại ấp PNA, xã AN, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng.

Bà Sơn Thị Si N, bà bà NLQ4, NLQ3, NLQ5, mỗi người chịu 200 ngàn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### ***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Dương sự;
- Lưu HS, Vp, (Án HTKN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Phan Văn Yên**